

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Nhà máy nước Tân Hiệp tại phường Tân Hiệp và phường Uyên Hưng,
thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nâng công suất nhà máy
từ 219.500 m³/ngày đêm lên 370.000 m³/ngày đêm)”**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương tại các Văn bản: số 398/TCTBWE-ĐT ngày 05 tháng 5 năm 2025, số 486/TCTBWE-ĐT ngày 27 tháng 5 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy nước Tân Hiệp tại phường Tân Hiệp và phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nâng công suất nhà máy từ 219.500 m³/ngày đêm lên 370.000 m³/ngày đêm)” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Tân Hiệp và phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường ban hành kèm Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- Công ty CP - TCT Nước - Môi trường Bình Dương;
- UBND tỉnh Bình Dương;
- Sở NN&MT tỉnh Bình Dương;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Lưu: VT, VPMC, QH_{PADung}.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“NHÀ MÁY NƯỚC TÂN HIỆP TẠI PHƯỜNG TÂN HIỆP VÀ PHƯỜNG UYÊN
HUNG, THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG (NÂNG CÔNG SUẤT
NHÀ MÁY TỪ 219.500 M³/NGÀY ĐÊM LÊN 370.000 M³/NGÀY ĐÊM)”**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án “Nhà máy nước Tân Hiệp tại phường Tân Hiệp và phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nâng công suất nhà máy từ 219.500 m³/ngày đêm lên 370.000 m³/ngày đêm)”.

- Địa điểm thực hiện Dự án: phường Tân Hiệp và phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương; địa chỉ liên hệ: số 11 Ngô Văn Trị, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Dự án “Nâng công suất Nhà máy nước Tân Hiệp, từ 119.500 m³/ngày đêm lên 219.500 m³/ngày đêm” đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 783/QĐ-STNMT ngày 01/7/2020; được Chủ dự án đăng ký môi trường tại Ủy ban nhân dân phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Văn bản số 148/ĐKMT ngày 02/02/2021 (sau đây gọi chung là Cơ sở sản xuất hiện hữu). Cơ sở sản xuất hiện hữu đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 11/GP-BTNMT ngày 15/01/2024.

1.2. Quy mô, công suất

- Tổng diện tích sử dụng đất của Dự án là 133.978 m², trong đó: diện tích khu đất Nhà máy Tân Hiệp là 121.539 m², diện tích đất trạm bơm nước thô là 12.439 m².

- Công suất sản xuất nước sạch là 370.000 m³/ngày đêm.

1.3. Công nghệ sản xuất

Nước mặt sông Đồng Nai → Trạm bơm cấp 1 → Tuyến ống nước thô → Bể trộn → Bể phản ứng → Bể lắng → Bể lọc → Khử trùng tại đường ống sau bể lọc → Bể chứa → Trạm bơm cấp 2 → Mạng lưới cấp nước.

1.4. Phạm vi

1.4.1. Các hạng mục công trình của Dự án đầu tư

a) Các hạng mục hiện hữu

Các hạng mục đã đầu tư xây dựng và đang vận hành của Cơ sở sản xuất hiện hữu:

TT	Các hạng mục công trình	Diện tích (m ²)
I	<i>Trạm bơm nước thô (trạm bơm cấp I) - công trình thu</i>	
1	Trạm bơm nước thô số 01	
-	Họng thu nước (kích thước B x H = 18 m x 7 m)	-
-	Nhà máy bơm	600
2	Trạm bơm nước thô số 02	
-	Họng thu nước (kích thước B x H = 22 m x 9 m)	-
-	Nhà máy bơm	1.200
3	Hố lắng cát trung gian (kích thước L x B = 2,5 m x 2 m)	-
4	Nhà Clo số 1	250
5	Nhà Clo số 2	40
6	Nhà điều hành	144
7	Nhà kho	40
8	Nhà máy phát điện	135
II	<i>Nhà máy nước Tân Hiệp</i>	
1	Bể trộn 1	75
2	Bể phản ứng 1a + 1b	480
3	Bể lắng 1a + 1b	1.920
4	Bể lọc 1	1.459,2
5	Bể chứa 1	2.500
6	Bể chứa 2	2.000
7	Bể trộn 2	90
8	Bể phản ứng 2a + 2b	500
9	Bể lắng 2a + 2b	2.500
10	Bể lọc 2	1.220
11	Bể chứa 3	2.500
12	Bể chứa 4	2.500
13	Bể trộn 3	160
14	Bể phản ứng 3	600
15	Bể lắng 3	1.200
16	Bể lọc 3	1.220
17	Bể chứa 5	5.000
18	Bể lắng bùn	4.200
19	Nhà bơm 1	350
20	Nhà bơm 2	400
21	Nhà bơm 3	800
22	Nhà hoá chất 1	200
23	Nhà hoá chất 2	325

24	Nhà Clo	250
25	Nhà vôi	30
26	Nhà bơm gió	192
27	Nhà máy phát 1	64
28	Xưởng cơ khí	360
29	Nhà cơ khí	80
30	Nhà văn phòng	240
31	Nhà điều hành	538
32	Nhà bảo vệ	40
III	Tuyến ống truyền tải nước thô	
1	Tuyến ống gang dẻo D800 dài 8.900 m	-
2	Tuyến ống gang dẻo D1.000 dài 9.000 m	-
3	Tuyến ống gang dẻo D1.500 dài 9.000 m	-
IV	Mạng lưới đường ống truyền tải và phân phối nước sạch	
1	Tuyến ống gang dẻo D1.000 dài khoảng 3.000 m	-
2	Tuyến ống gang dẻo D800 dài khoảng 7.800 m	-
3	Tuyến ống uPVC, ống gang dẻo, ống PE từ D50 đến D150 với tổng chiều dài khoảng 166.444 m	-

b) Các hạng mục điều chỉnh, bổ sung

- Lắp đặt bổ sung 03 máy bơm (mỗi máy bơm có công suất $Q = 2.600 \text{ m}^3/\text{giờ}$, hệ thống điện và Scada tại trạm bơm nước thô số 2).

- Lắp đặt ống lắng lamen (trên diện tích 1.440 m^2) vào bể lắng hiện hữu của cụm xử lý số 2.

- Lắp đặt 04 máy bơm (mỗi máy bơm có công suất $Q = 3.200 \text{ m}^3/\text{giờ}$, lắp đặt hệ thống điện và Scada tại trạm bơm nước sạch số 3).

- Lắp đặt thiết bị hóa chất, hệ thống điện và Scada tại nhà hoá chất.

1.4.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

a) Các hạng mục hiện hữu

- Công trình thu gom và thoát nước mưa: hệ thống mương B600 thu nước mặt quanh khu vực các công trình xây dựng và quanh khu vực Nhà máy xử lý nước và Trạm bơm nước thô.

- Công trình thu gom và thoát nước thải sinh hoạt: 02 bể tự hoại 03 ngăn lưu trữ tạm thời nước thải (01 bể tự hoại 03 ngăn dung tích 15 m^3 tại khu vực nhà máy; 01 bể tự hoại 03 ngăn dung tích 5 m^3 tại trạm bơm nước thô).

- Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại: các thùng chứa để lưu chứa tạm thời chất thải; kho chất thải nguy hại diện tích 20 m^2 tại khu vực Nhà máy xử lý nước.

- Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: tháp trung hoà khí Clo

được bố trí tại khu vực Nhà máy xử lý nước và khu vực Trạm bơm để hấp thụ khí Clo rò rỉ trong nhà Clo bằng NaOH; hệ thống các biển báo, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường (quy định chi tiết tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng và vận hành Cơ sở sản xuất hiện hữu

- Quá trình hàn, cắt cấu kiện khi lắp đặt máy móc, thiết bị phát sinh bụi, khí thải.

- Hoạt động của Cơ sở sản xuất hiện hữu phát sinh bụi, khí thải.

- Hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị và quản lý, vận hành Cơ sở sản xuất hiện hữu phát sinh nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại (CTNH), tiếng ồn, độ rung; rủi ro, sự cố (sự cố hóa chất, sự cố cháy nổ).

2.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động sản xuất nước sạch với công suất 370.000 m³/ngày đêm, hoạt động sinh hoạt của công, nhân viên làm việc tại Dự án phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, CTNH, tiếng ồn, độ rung; rủi ro, sự cố môi trường liên quan.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng và vận hành Cơ sở sản xuất hiện hữu

- Nước thải sinh hoạt phát sinh với lưu lượng khoảng 4 m³/ngày đêm (bao gồm: từ công nhân thi công khoảng 0,5 m³/ngày, từ công nhân làm việc tại Nhà máy nước Tân Hiệp khoảng 3 m³/ngày đêm, từ công nhân làm việc tại trạm bơm nước thô hiện hữu khoảng 0,5 m³/ngày đêm). Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, sunfua (tính theo H₂S), amoni (tính theo N), nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), tổng Coliforms.

- Nước thải phát sinh từ quá trình súc rửa bể lọc và vệ sinh bể với lưu lượng khoảng 1.200 m³/ngày đêm; nước thải phát sinh từ quá trình lắng bùn với lưu lượng khoảng 80 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng là TSS.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của phòng thí nghiệm với lưu lượng khoảng 120 lít/năm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: PO_4^{3-} , Cl^- , SO_4^{2-} , Ca^{2+} , phenol.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt phát sinh với lưu lượng khoảng 3,5 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, sunfua (tính theo H₂S), amoni (tính theo N), nitrat (NO_3^-) (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P), tổng Coliforms.

- Nước thải phát sinh từ quá trình súc rửa bể lọc và vệ sinh bể với lưu lượng khoảng 1.200 m³/ngày đêm; nước thải phát sinh từ quá trình lắng bùn với lưu lượng khoảng 80 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: chất rắn lơ lửng.

- Nước thải từ phòng thí nghiệm phát sinh với lưu lượng khoảng 200 lít/năm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: PO_4^{3-} , Cl^- , SO_4^{2-} , Ca^{2+} , phenol.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng và vận hành Cơ sở sản xuất hiện hữu

- Khí thải từ quá trình hàn cắt cấu kiện trong quá trình thi công lắp đặt máy móc, thiết bị. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: bụi, CO, SO₂.

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào Cơ sở sản xuất hiện hữu. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: bụi, NO_x, CO, SO₂.

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng của Nhà máy nước Tân Hiệp và Trạm bơm nước thô hiện hữu. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: NO₂, CO, CO₂, SO₂.

- Mùi, hơi hoá chất từ quá trình hoạt động của Cơ sở sản xuất hiện hữu.

b) Giai đoạn vận hành

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào Dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi, NO_x, CO, SO₂.

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng của Dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: NO₂, CO, CO₂, SO₂.

- Mùi, hơi hoá chất từ quá trình hoạt động của Dự án.

3.2. Chất thải rắn, CTNH

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng và vận hành Cơ sở sản xuất hiện hữu

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 40 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: các loại bao bì, vỏ chai lọ, thức ăn thừa.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của Cơ sở sản xuất hiện hữu:

+ Tại Nhà máy nước Tân Hiệp: bùn thải từ quá trình lắng bùn phát sinh khoảng 17.500 kg/ngày; cặn vôi phát sinh khoảng 439 kg/ngày; bùn, đất nạo vét

từ hệ thống công, hồ ga phát sinh khoảng 02 tấn/tháng.

+ Tại trạm bơm nước thô: bùn lắng tại cửa thu nước trạm bơm phát sinh khoảng 100 m³/năm.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 35 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: các loại bao bì, vỏ chai lọ, thức ăn thừa.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Tại Nhà máy xử lý nước của Dự án: bùn thải từ quá trình lắng bùn phát sinh khoảng 29.600 kg/ngày; cặn vôi phát sinh khoảng 740 kg/ngày; bùn, đất nạo vét từ hệ thống công, hồ ga phát sinh khoảng 02 tấn/tháng.

+ Tại Trạm bơm nước thô của Dự án: bùn lắng tại cửa thu nước trạm bơm phát sinh khoảng 100 m³/năm.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTNH

a) Giai đoạn thi công, xây dựng và vận hành Cơ sở sản xuất hiện hữu

CTNH phát sinh khoảng 450 kg/năm. Thành phần chủ yếu gồm: bóng đèn huỳnh quang thải, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải, ắc quy chì thải, hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại, bao bì chứa CTNH, giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu), hộp chứa mực in thải, đầu que hàn.

b) Giai đoạn vận hành

CTNH phát sinh khoảng 435 kg/năm. Thành phần chủ yếu gồm: dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải, ắc quy chì thải, hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại, bao bì chứa CTNH, giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu), hộp chứa mực in thải.

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng và vận hành Cơ sở sản xuất hiện hữu

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động hàn cắt, lắp đặt máy móc thiết bị; hoạt động của các máy móc, thiết bị phục vụ quá trình xử lý nước của Cơ sở sản xuất hiện hữu; hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào khu vực cơ sở sản xuất hiện hữu.

b) Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các máy móc, thiết bị sản xuất và các phương tiện giao thông ra vào khu vực Dự án.

3.4. Các tác động khác

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực Dự án trong các giai đoạn phát sinh với lưu lượng khoảng 1,51 m³/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng là TSS.

- Quá trình vận hành Dự án có khả năng xảy ra sự cố môi trường liên quan như sự cố cháy nổ; sự cố hóa chất; sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất

thải nguy hại.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư

Giai đoạn thi công, xây dựng và vận hành Cơ sở sản xuất hiện hữu chỉ diễn ra trong thời gian ngắn và chỉ thực hiện lắp đặt bổ sung một số máy móc, thiết bị; Chủ dự án đề xuất áp dụng chung các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường cho cả 01 giai đoạn như sau:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom về các bể tự hoại 03 ngăn hiện hữu đã được đầu tư xây dựng tại khu vực Cơ sở sản xuất hiện hữu để lưu trữ; sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

Quy trình xử lý: Nước thải → Bể tự hoại 03 ngăn → Chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Toàn bộ nước thải sản xuất của cơ sở sản xuất hiện hữu được lắng, tách bùn và tuần hoàn lại quá trình sản xuất, không xả ra môi trường.

Quy trình xử lý: Nước thải → Bể lắng bùn → Bể thu hồi nước sau lắng bùn → Bơm về bể trộn của hệ thống xử lý nước sạch.

- Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của phòng thí nghiệm được thu gom, quản lý như CTNH và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

Quy trình xử lý: Nước thải → Thiết bị lưu chứa → Chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thực hiện thu gom toàn bộ nước thải phát sinh đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình triển khai Dự án; chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân trong khi làm việc. Thường xuyên vệ sinh sân bãi, tưới nước mặt đường.

- Xây dựng nội quy đối với công nhân thi công tuân thủ các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường.

- Trồng và duy trì chăm sóc cây xanh trong khuôn viên cơ sở sản xuất hiện hữu để giảm thiểu khả năng bụi, khí thải phát tán.

- Nhà kho chứa hóa chất được bố trí độc lập, tách biệt với khu vực xung quanh. Kho chứa hóa chất có tường, mái che, nền cao hơn mặt sân hiện hữu tránh nước mưa xâm nhập phản ứng với hóa chất gây mùi.

- Thường xuyên vệ sinh khu vực lưu trữ chất thải rắn đảm bảo không phát

sinh mùi hôi.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: quản lý, giám sát và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, mùi hôi phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Dự án.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, CTNH

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, phân loại tại các thùng rác nhựa có nắp đậy (20 - 50 lít/thùng) và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Tại Nhà máy xử lý nước của Dự án: bùn thải sau lắng từ hệ thống xử lý nước được bơm về hệ thống các bể lắng bùn (gồm 7 bể bố trí độc lập, kích thước 12 x 49 m/bể, diện tích 588 m²/bể) để tách nước. Nước được bơm tuần hoàn về bể trộn để xử lý; bùn thải phát sinh được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Tại Trạm bơm nước thô của Dự án: bùn thải phát sinh được thu gom vào khu vực lưu giữ trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH

- Tại Nhà máy xử lý nước của Dự án: các loại CTNH phát sinh được thu gom, phân loại vào các thùng chứa có nắp đậy, dán biển cảnh báo, ghi rõ mã chất thải, tên từng loại chất thải nguy hại, tập kết vào kho chứa CTNH hiện hữu diện tích khoảng 20 m², được bố trí tại gần xưởng cơ khí; chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Tại Trạm bơm nước thô của Dự án: CTNH được thu gom và lưu giữ và vào thùng chứa có nắp đậy kín đặt trong khu vực có mái che, thùng chứa dán biển cảnh báo CTNH; chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Toàn bộ chất thải rắn, CTNH phát sinh tại Dự án phải được thu gom, phân định, phân loại tại nguồn, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Bố trí thời gian, phương án cải tạo, lắp đặt máy móc thiết bị hợp lý; sử dụng phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thi công.

- Duy trì và chăm sóc cây xanh theo đúng diện tích quy định; không thi công hàn cắt vào ban đêm và giờ nghỉ trưa.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong các giai đoạn của Dự án bảo đảm đạt QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, CTNH: kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố rò rỉ, các khu lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo đúng quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất: xây dựng kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định và tổ chức thực hiện; tuân thủ quy định về an toàn trong vận chuyển, tiếp nhận, bảo quản, lưu trữ hóa chất; lắp đặt và vận hành hệ thống tháp trung hòa Clo (công suất quạt hút 6.000 m³/giờ).

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước: thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: lắp đặt và vận hành hệ thống phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

- Duy trì và bố trí mặt bằng trong khuôn viên Dự án để trồng cây xanh, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh theo quy định của pháp luật.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư:

Chủ dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường trong quá trình triển khai Dự án như sau:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường chi tiết của Dự án đảm bảo thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu tại mục 4 Quyết định này và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trước khi tiến hành triển khai thực hiện Dự án.

5.2. Giám sát môi trường

5.2.1. Đối với nước thải

Theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ nước thải.

5.2.2. Đối với khí thải

Theo quy định tại Điều 98 và Phụ lục XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục; quan trắc khí thải định kỳ.

5.2.3. Đối với chất thải rắn, chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn và CTNH theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT; định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

6.1. Rà soát việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư Dự án, bảo đảm đúng quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

6.2. Tổ chức khai thác nước mặt theo đúng vị trí, khối lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; thực hiện giám sát chất lượng nước thô và nước cấp sau xử lý theo quy định tại Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

6.3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục, công trình và triển khai Dự án; bảo đảm đáp ứng QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan khác. Nghiên cứu, thực hiện Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh.

6.4. Đảm bảo các yêu cầu về hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; trong quá trình triển khai Dự án phải bảo đảm hoạt động khai thác nước không gây xói lở lòng, bờ sông Đồng Nai tại khu vực điểm lấy nước.

6.5. Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

6.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ chính xác, tin cậy của toàn bộ dữ liệu, số liệu tính toán, đo đạc của các hạng mục, công trình, đặc biệt là kết

quả quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường, danh sách các thành viên tham gia thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

6.7. Tuân thủ các quy định về phòng chống cháy, nổ; xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, phòng ngừa và phòng chống cháy, nổ đối với công nhân viên.

6.8. Thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình quản lý, giám sát và quan trắc môi trường; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

6.9. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không bảo đảm công tác bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án theo quy định của pháp luật.

6.10. Thiết lập mô hình quản lý và bảo đảm nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.11. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường; đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo quy định của pháp luật về môi trường./.